

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/DS-ST
Ngày: 26-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Duẩn

2. Ông Đỗ Thanh Đình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Tín - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2025/TLST-DS ngày 30/12/2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2026/QĐXXST-DS ngày 17/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2026/QĐST-DS ngày 07/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 7, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 519/9 đường Q, tổ 7, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa, bà T có mặt, bà L vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 20/8/2017 Âm lịch (tức ngày 09/10/2017 Dương lịch), bà có cho bà Võ Thị L mượn số tiền 5.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Bà L có viết giấy mượn tiền và đưa cho bà giữ. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ nhưng bà L không trả nợ cho bà, bà đã nhiều lần gặp và yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cố tình trốn tránh, không trả nợ cho bà.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà tiền nợ gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm.

Nay, bà xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Bà yêu cầu bà Võ Thị L phải trả cho bà tiền nợ gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2017 đến ngày 10/12/2025 với lãi suất 10%/năm là 4.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi cho bà từ ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2026.

Bị đơn là bà Võ Thị L đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Võ Thị L phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị T 5.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2017 đến ngày 10/12/2025 là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng.

Bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản đã được hai bên ký kết. Bà Võ Thị L có địa chỉ cư trú tại số 519/9 đường Q, tổ 7, phường C (trước đây là tổ 7, phường N), tỉnh Quảng

Ngãi. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Võ Thị L vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị L nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; bà L cũng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Tại Đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Võ Thị L phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2026).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T xác định lại yêu cầu khởi kiện: Bà Võ Thị T yêu cầu bà Võ Thị L phải trả cho bà T tiền nợ gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2017 đến ngày 10/12/2025 với lãi suất 10%/năm là 4.000.000 đồng, bà T không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi từ ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2026). Như vậy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T cung cấp bản gốc Giấy mượn tiền ngày 20/8/2017 Âm lịch do bà Võ Thị L ký tên có nội dung: *Tôi có mượn của Nguyễn Thị T với số tiền 5.000.000^d (năm triệu đồng chẵn) để lo việc gia đình tôi có để lại GCMND + Hộ khẩu phụ trong thời gian 2 tháng tôi sẽ trả lại số tiền trên đã mượn 5.000.000^d cho bà T. Nếu sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.* Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 20/8/2017 Âm lịch và trình bày của bà Nguyễn Thị T, có cơ sở xác định: Bà Võ Thị L có mượn của bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000 đồng, nên bà T yêu cầu bà L trả nợ số tiền 5.000.000 đồng đã mượn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tiền lãi của bà Nguyễn Thị T thì thấy: Tại Giấy mượn tiền ngày 20/8/2017 Âm lịch, bà Võ Thị L cam kết trong thời hạn 02 tháng kể ngày 20/8/2017 Âm lịch (tức ngày 09/10/2017 Dương lịch) sẽ trả lại số tiền 5.000.000

đồng cho bà T, nhưng sau đó bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Do đó, bà T yêu cầu bà L trả tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, bà L có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà T tính từ ngày 10/12/2017 đến ngày 10/12/2025 là 4.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 10%/năm x 8 năm); bà T không yêu cầu bà L trả tiền lãi từ ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2026) nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 đồng (9.000.000 đồng x 5%).

Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 468, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 5.000.000 (năm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2017 đến ngày 10/12/2025 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng, tổng cộng là 9.000.000 (chín triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bà Võ Thị L trả tiền lãi từ ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2026).

2. Về án phí:

Bà Võ Thị L phải chịu 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Quang Hải